

Số: 36/2020/QĐST-HNGĐ

Nha Trang, ngày 20 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Phú Hiền**

Ông **Trần Ngọc Tây**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 861/2018/TLST-HNGĐ
ngày 13/6/2018

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà **Võ Tú G**

Địa chỉ: 58A đường B, phường T, thành phố T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hồng H – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hồng H – thuộc Đoàn luật sư tỉnh H.

** Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc P**

Địa chỉ: 78B đường T, phường P, thành phố T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị H – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H – thuộc Đoàn luật sư tỉnh H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn C**

Địa chỉ: 240 đường T, phường P, thành phố T

2/ Bà **Đặng Thị C**

Địa chỉ: 240 đường T, phường P, thành phố T

3/ Ông **Nguyễn Ngọc Q**

Địa chỉ: 240 đường T, phường P, thành phố T

4/ Ông **Mai Thành V**

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn K, tỉnh H

5/ Ông Nguyễn Kim H

Địa chỉ: 240 đường T, phường P, thành phố T

6/ Bà Nguyễn Thị Bích L

Địa chỉ: 240 đường T, phường P, thành phố T

7/ Ông Lý Hồng T

Địa chỉ: 10/3 đường C, thành phố T

** Người làm chứng:*

1/ Bà Bùi Thị Thu T

Địa chỉ: 152/4/15 đường C, thành phố T

2/ Ông Lê Chí C

Địa chỉ: 213 đường N, thành phố T

3/ Bà Hoàng Thị Thanh H

Địa chỉ: 213 đường N, thành phố T

4/ Ông Tô Ngọc B

Địa chỉ: Tổ 1 xã T, thành phố T

5/ Ông Nguyễn Văn Đ

Địa chỉ: Tổ 14 xã N, thành phố T

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Võ Tú G và ông Nguyễn Ngọc P thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Thuý N sinh ngày 19/01/2004 và Nguyễn Ngọc Thảo N sinh ngày 09/3/2006 cho bà Võ Tú G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Ngọc P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà G, ông P có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Bà Võ Tú Giang và ông Nguyễn Ngọc P thỏa thuận:

Bà Võ Tú G không tranh chấp toàn bộ các tài sản như số tiền 9.200.000.000 đồng trong tài khoản tiết kiệm; xe tải nhãn hiệu Kia biển số đăng ký biển số đăng ký 79N – 1607; xe ô tô 07 chỗ hiệu Hyundai - Santafer biển số đăng ký 79A – 042.82; xe Honda SH biển số đăng ký 79N2 – 461.22; phần diện tích đất 18,52m² tại thửa đất là 78B đường T, phường P, thành phố T; đất tại thôn N, xã N, thành phố T, thửa số 923 tờ bản đồ số 37, diện tích 90m²; đất tại thôn H2, xã T, huyện N, tỉnh H, thửa số 562, tờ bản đồ số 51, diện tích 109,9m²; đất tại thôn H2, xã T, huyện N, tỉnh H, thửa số 561, tờ bản đồ số 51, diện tích 111,8m².

Bà Võ Tú G giao cho ông Nguyễn Ngọc P được sở hữu các tài sản sau:

+ Ông Nguyễn Ngọc P được sở hữu 01 xe tải nhãn hiệu Kia, số máy J2-532490, số khung RNHKCA252AC053372, biển số đăng ký 79N – 1607 và 01 xe Honda SH, số máy KF26E0038923, số khung 2512GY038863, biển số đăng ký 79N2 – 461.22.

+ Ông Nguyễn Ngọc P được quyền sở hữu phần diện tích đất tại thửa đất 78B đường T, phường P, thành phố T, trích đo từ thửa 345+342 (1 phần) tờ bản đồ số 9, phần đất phía sau được ký hiệu là phần B có diện tích 18,5m². (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Ông Nguyễn Ngọc P được quyền sở hữu phần diện tích đất tại thôn N, xã N, thành phố T, thửa số 923 tờ bản đồ số 37, diện tích 90m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 543069 do UBND thành phố Nha Trang cấp ngày 27/4/2018 cho ông Nguyễn Văn Đ, đã được chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc P vào ngày 30/5/2018.

+ Ông Nguyễn Ngọc P được quyền sở hữu phần diện tích đất tại thôn H2, xã T, huyện N, tỉnh H, thửa số 562, tờ bản đồ số 51, diện tích 109,9m². (có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

+ Đất tại thôn H2, xã T, huyện N, tỉnh H, thửa số 561, tờ bản đồ số 51, diện tích 111,8m². (có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Ông Nguyễn Ngọc P liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sở hữu nhà đất theo quy định.

Ông Nguyễn Ngọc P giao cho bà Võ Tú G được quyền sở hữu 01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Hyundai - Santafer, số máy G4KEAH862228, số khung KMHSH81BDA, biển số đăng ký 79A – 042.82.

Ông Nguyễn Ngọc P thanh toán cho bà Võ Tú G 3.000.000.000 đồng (*ba tỷ đồng*) vào ngày 20/6/2020.

Bà Võ Tú G không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc P thanh toán số tiền do vẽ định giá.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia số tiền 1.150.000.000 đồng của ông Nguyễn Ngọc P.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia số tiền 165.142.000 đồng mua căn hộ tại “Chung cư hỗn hợp thương mại và nhà ở Quang Minh” của Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Nha Trang Real của bà Võ Tú G

- **Về án phí** : Bà Võ Tú G phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 50.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Tú G đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009267 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T và 62.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009268 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T. Hoàn lại cho bà Võ Tú G 11.600.000 đồng (*mười một triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Ngọc P phải nộp 50.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí phần cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Ngọc P đã nộp 23.250.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009779 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T. Ông Nguyễn Ngọc P còn phải nộp 27.450.000 đồng (*hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí.

Quy định: Kể từ ngày bà Võ Tú G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Ngọc P không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
- UBND phường T-Tp. T -tỉnh H
(Giấy CNKH số 24, quyển số 01/1997);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung